

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(đã được kiểm toán)



## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	02-03
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	04-05
<b>Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	09-10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	11-35

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC

Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn,  
huyện An Lão, thành phố Hải Phòng

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

#### CÔNG TY

Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200786983, đăng ký lần đầu ngày 01/02/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 27/02/2021, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Nghĩa	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Thọ	Thành viên	
Ông Yukio Miyota	Thành viên	
Ông Nguyễn Sơn	Thành viên	Trước ngày 26/06/2021
Ông Kikugawa Tetsuya	Thành viên	
Ông Trần Ngọc Dương	Thành viên	
Ông Đinh Ngọc Thắng	Thành viên	
Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên	Từ ngày 26/06/2021

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Thọ	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 30/09/2021
Ông Đỗ Tiến Thành	Phó Tổng Giám đốc	Trước ngày 30/09/2021
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	Trưởng phòng Tài chính Kế toán	Từ ngày 13/12/2021
Ông Nguyễn Ngọc Tú	Quyền Trưởng phòng Tài chính Kế toán	Từ ngày 03/11/2021
Bà Nguyễn Thị Thọ Vân	Kế toán trưởng	Trước ngày 03/11/2021

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Phong	Trưởng ban
Ông Fujiwara Norimasa	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Thành	Thành viên

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) - Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC

Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn,  
huyện An Lão, thành phố Hải Phòng

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



TM. Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Thọ



Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam  
Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì  
P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam  
Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588  
Fax: (+84 24) 3868 6248  
Web: [kiemtoanava.com.vn](http://kiemtoanava.com.vn)

Số: 313/BCKT-TC/AVA

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC

### Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC, được lập ngày 24/03/2022, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN  
VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**



---

**Ngô Quang Tiên**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CNĐKHN Kiểm toán số  
0448-2018-126-1  
Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

---

**Lê Thùy Dương**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy CNĐKHN Kiểm toán số  
2879-2020-126-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.461.995.918.387</b>	<b>1.708.462.410.793</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>77.471.032.666</b>	<b>218.775.263.128</b>
1. Tiền	111		45.618.715.014	80.907.799.373
2. Các khoản tương đương tiền	112		31.852.317.652	137.867.463.755
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	V.2	<b>54.326.449.825</b>	<b>39.301.860.889</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		54.326.449.825	39.301.860.889
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>491.197.493.994</b>	<b>539.158.292.318</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	390.495.879.260	437.170.509.098
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	81.720.751.821	49.528.381.362
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	54.894.513.291	71.686.606.648
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(35.913.650.378)	(19.473.749.919)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	246.545.129
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.7	<b>812.973.753.162</b>	<b>884.985.391.124</b>
1. Hàng tồn kho	141		812.973.753.162	884.985.391.124
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>26.027.188.740</b>	<b>26.241.603.334</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	1.008.594.270	281.771.225
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		25.018.594.470	25.908.725.108
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	-	51.107.001
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>715.910.584.036</b>	<b>552.617.240.685</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>4.722.419.260</b>	<b>3.030.199.680</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	4.722.419.260	3.030.199.680
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>393.512.718.325</b>	<b>279.574.988.840</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	252.016.405.593	170.510.361.276
- Nguyên giá	222		432.497.253.395	324.229.724.337
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(180.480.847.802)	(153.719.363.061)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	106.830.160.059	73.246.527.127
- Nguyên giá	225		135.002.638.529	90.789.637.211
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(28.172.478.470)	(17.543.110.084)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	34.666.152.673	35.818.100.437
- Nguyên giá	228		47.327.076.397	47.327.076.397
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(12.660.923.724)	(11.508.975.960)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	V.12	<b>92.713.117.498</b>	<b>46.104.968.117</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		92.713.117.498	46.104.968.117
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.2	<b>211.411.279.553</b>	<b>208.011.544.797</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		11.625.270.000	38.074.750.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		9.869.765.000	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		163.643.944.405	162.543.944.405
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		26.272.300.148	7.392.850.392
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>13.551.049.400</b>	<b>15.895.539.251</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	1.894.325.858	4.188.544.187
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		11.656.723.542	11.706.995.064
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>2.177.906.502.423</b>	<b>2.261.079.651.478</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
1	2	3	4	5
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.710.017.948.765</b>	<b>1.832.731.448.005</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.443.951.188.048</b>	<b>1.712.175.173.206</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	429.932.902.188	448.616.857.503
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	194.581.589.243	162.041.240.539
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	23.178.459.124	24.163.254.042
4. Phải trả người lao động	314		17.020.352.407	5.284.034.316
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	17.351.258.944	18.312.951.081
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	3.047.281.260	3.047.281.260
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	71.981.886.582	390.058.456.008
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	670.335.638.003	658.720.262.360
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20	15.000.000.000	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.521.820.297	1.930.836.097
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>266.066.760.717</b>	<b>120.556.274.799</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	208.138.011.354	60.500.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	57.928.749.363	120.495.774.799
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>467.888.553.658</b>	<b>428.348.203.473</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.21	<b>467.888.553.658</b>	<b>428.348.203.473</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		366.298.650.000	366.298.650.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		366.298.650.000	366.298.650.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(3.025.000.000)	(3.025.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		54.297.552.322	10.601.753.236
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		50.317.351.336	54.472.800.237
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		10.777.001.151	10.777.001.151
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		39.540.350.185	43.695.799.086
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>2.177.906.502.423</b>	<b>2.261.079.651.478</b>

Người lập biểu



Vũ Thị Phương Hào

Trưởng phòng TCKT



Nguyễn Thị Thùy Linh

Hải Phòng, ngày 24 tháng 03 năm 2022



Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Thọ



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.334.636.308.949	2.464.473.681.391
<b>2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>2.334.636.308.949</b>	<b>2.464.473.681.391</b>
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	2.151.227.070.788	2.295.056.281.887
<b>4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>183.409.238.161</b>	<b>169.417.399.504</b>
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	9.613.582.696	6.589.690.913
6. Chi phí tài chính	22	VI.4	50.783.117.419	78.429.972.460
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		45.085.871.676	76.719.770.927
7. Chi phí bán hàng	25	VI.5	14.995.804.716	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	70.686.045.268	40.675.534.188
<b>9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>56.557.853.454</b>	<b>56.901.583.769</b>
10. Thu nhập khác	31	VI.6	2.686.438.435	2.891.240.431
11. Chi phí khác	32	VI.7	9.242.318.587	4.075.338.099
<b>12. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(6.555.880.152)</b>	<b>(1.184.097.668)</b>
<b>13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>50.001.973.302</b>	<b>55.717.486.101</b>
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	10.411.351.595	16.565.603.805
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		50.271.522	(4.543.916.790)
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>39.540.350.185</b>	<b>43.695.799.086</b>

Người lập biểu



Vũ Thị Phương Hào

Trưởng phòng TCKT



Nguyễn Thị Thùy Linh

Hải Phòng, ngày 24 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thọ

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	01		<b>50.001.973.302</b>	<b>55.717.486.101</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		38.545.110.355	34.244.090.547
- Các khoản dự phòng	03		31.439.900.459	3.865.681.145
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		770.945.256	(426.840.417)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.689.591.673)	(5.200.790.579)
- Chi phí lãi vay	06		45.085.871.676	76.719.770.927
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08		<b>161.154.209.375</b>	<b>164.919.397.724</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		30.820.187.446	(182.347.489.458)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		72.011.637.962	(178.304.265.358)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(302.287.709.741)	366.377.926.612
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.567.395.284	1.347.318.484
- Tiền lãi vay đã trả	14		(39.733.004.539)	(63.755.893.146)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(12.021.687.015)	(6.721.550.964)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(409.015.800)	(366.736.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(88.897.987.028)</b>	<b>101.148.707.894</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(62.571.063.884)	(67.310.945.518)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		348.169.800	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của ĐV khác	23		(112.747.916.307)	(22.377.100.616)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		78.843.877.615	81.288.562.433
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		12.530.456.291	5.200.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27		4.686.540.918	5.200.790.579
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(78.909.935.567)</b>	<b>2.001.306.878</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2021

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
1	2	3	4	5
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		1.440.764.344.313	1.510.599.958.148
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.400.579.079.869)	(1.421.170.794.220)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(13.745.480.816)	(12.796.759.812)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.977.500)	(61.352.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>26.432.806.128</b>	<b>76.571.051.616</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(141.375.116.467)</b>	<b>179.721.066.388</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>218.775.263.128</b>	<b>39.093.304.506</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi NT	61		70.886.005	(39.107.766)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>77.471.032.666</b>	<b>218.775.263.128</b>

Người lập biểu



Vũ Thị Phương Hào

Trưởng phòng TCKT



Nguyễn Thị Thùy Linh

Hải Phòng, ngày 24 tháng 03 năm 2022



Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Thọ

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Năm 2021

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200786983, đăng ký lần đầu ngày 01/02/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 27/02/2021, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là 366.298.650.000 đồng (Ba trăm sáu mươi sáu tỷ hai trăm chín mươi tám triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Gia công, chế tạo, lắp đặt kết cấu thép, kinh doanh thương mại.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị;
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn, thiết kế nhiệt cho các dự án công nghiệp và dân dụng; Thiết kế thông gió, điều hoà không khí, cấp nhiệt cho các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế kỹ thuật các công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế cơ - điện công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế công trình đường bộ; Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế nội - ngoại thất công trình;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, đồng, chì, gang;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt thang máy, cầu thang tự động; Lắp đặt các loại cửa tự động; Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống âm thanh, hệ thống hút bụi;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Nạo vét luồng lạch; Sửa chữa công trình xây dựng;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng.

#### **5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Dịch bệnh do chủng Virus Corona (Covid-19) gây ra đã và đang có những ảnh hưởng nhất định đối với nền kinh tế và ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và đánh giá các ảnh hưởng của dịch bệnh đối với hoạt động kinh doanh, tài chính và quản trị của Công ty trong kỳ và xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp.

**6. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có 01 công ty con (ngày 01/01/2021: 03 công ty con) được liệt kê trong Thuyết minh số V.2.

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có 680 cán bộ nhân viên (ngày 01/01/2021: 821 cán bộ nhân viên).

**7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập đảm bảo tính so sánh.

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán thường niên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”; ký hiệu quốc tế là “VND”).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính tổng hợp được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

**Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết**

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm. Mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

**Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Hoặc mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế khi không xác định được giá trị thị trường.

**3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải thu có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải thu).

Việc xác định các khoản cần lập dự phòng phải thu khó đòi được căn cứ vào các khoản mục được phân loại là phải thu ngắn hạn, dài hạn của Bảng cân đối kế toán. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho****Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho của Công ty là những tài sản được mua vào để sản xuất hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường.

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho**

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

**Phương pháp hạch toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và các phương pháp khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư****Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 46 năm
- Máy móc, thiết bị	02 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
- Phần mềm quản lý	10 năm
- Tài sản cố định khác	10 năm

Chênh lệch giữa thu thuần do thanh lý nhượng bán với giá trị còn lại của TSCĐ được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Tài sản cố định thuê tài chính**

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích.

**6. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là ngắn hạn hoặc dài hạn.

Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

**9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay, nợ thuê tài chính có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

**10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

**13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; Khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; Và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: Khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Doanh thu chưa thực hiện không bao gồm:

- Tiền nhận trước của người mua mà doanh nghiệp chưa cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ;
- Doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.



Từng kỳ kế toán, doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu trong kỳ.

#### **14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

**Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### **15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**Doanh thu hợp đồng xây dựng**

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên báo cáo tài chính có liên quan.

**Thu nhập khác**

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

**16. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**17. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Khi bán sản phẩm, hàng hóa kèm thiết bị, phụ tùng thay thế thì giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có

**18. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

**19. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

**20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

**Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**Chi phí Thuế thu nhập hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

**21. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

**21.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

**21.2. Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

1. Tiền	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2021	01/01/2021
Tiền mặt tại quỹ	82.356.175	5.518.089.671
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	45.536.358.839	75.389.709.702
Các khoản tương đương tiền	31.852.317.652	137.867.463.755
	<b>77.471.032.666</b>	<b>218.775.263.128</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

2.1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>54.326.449.825</b>	<b>54.326.449.825</b>	<b>39.301.860.889</b>	<b>39.301.860.889</b>
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	54.326.449.825	54.326.449.825	39.301.860.889	39.301.860.889
<b>Dài hạn</b>	<b>26.272.300.148</b>	<b>26.272.300.148</b>	<b>7.392.850.392</b>	<b>7.392.850.392</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	25.872.300.148	25.872.300.148	6.992.850.392	6.992.850.392
Trái phiếu (ii)	400.000.000	400.000.000	400.000.000	400.000.000
	<b>80.598.749.973</b>	<b>80.598.749.973</b>	<b>46.694.711.281</b>	<b>46.694.711.281</b>

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại các Ngân hàng TMCP trong nước, được hưởng lãi suất từ 3,0% đến 7% một năm. Toàn bộ các khoản tiền gửi có kỳ hạn nêu trên đã được dùng làm tài sản thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại các Ngân hàng.

(ii) Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam kỳ hạn 10 năm.

2.2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>11.625.270.000</b>	-	<b>38.074.750.000</b>	-
Công ty CP Thương mại Amecc Wei sheng (i)	-	-	21.349.480.000	-
Công ty TNHH Amecc Myanmar (ii)	11.625.270.000	-	11.625.270.000	-
Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Amecc Miền Nam (iii)	-	-	5.100.000.000	-
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>9.869.765.000</b>	-	-	-
Công ty CP Thương mại Amecc Wei sheng (i)	9.869.765.000	-	-	-
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>163.643.944.405</b>	-	<b>162.543.944.405</b>	-
Công ty CP Lisemco 3	100.000.000	-	100.000.000	-
Công ty CP Lisemco 5	100.000.000	-	100.000.000	-
Công ty CP Mạ kẽm Amecc	6.920.000.000	-	6.920.000.000	-
Công ty liên doanh Amecc - Myanmar Shipyards (iv)	155.423.944.405	-	155.423.944.405	-
Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Amecc Miền Nam (iii)	1.100.000.000	-	-	-
	<b>185.138.979.405</b>	-	<b>200.618.694.405</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC**Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn,  
huyện An Lão, thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính tổng hợp**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

- (i) Công ty CP Thương mại Amecc Wei sheng có vốn điều lệ là 41.999.000.000 đồng. Khoản đầu tư tại 01/01/2021 có tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết 50,83%.  
Trong năm, Công ty tiến hành thoái bớt vốn đầu tư. Tại 31/12/2021, khoản đầu tư có tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết 23,50%.
- (ii) Công ty TNHH Amecc Myanmar có vốn điều lệ là 500.000 USD. Khoản đầu tư với tỷ lệ vốn là 100%.
- (iii) Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Amecc Miền Nam có vốn điều lệ thực góp là 5.840.000.000 đồng. Khoản đầu tư tại 01/01/2021 có tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết 87,33%.  
Trong năm, Công ty tiến hành thoái bớt vốn đầu tư. Tại 31/12/2021, khoản đầu tư có tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết 18,84% trên vốn điều lệ thực góp.
- (iv) Khoản góp vốn đầu tư ghi nhận theo xác nhận vốn đầu tư của Công ty liên doanh Amecc - Myanma Shipyards. Tính đến thời điểm 31/12/2021, số vốn đã thực tế góp là 6.809.900 USD tương đương với 155.423.944.405 đồng trên tổng số vốn phải góp theo dự kiến là 26.310.000 USD tương ứng với tỷ lệ vốn phải góp là 15%. Thời hạn góp vốn theo chấp thuận là đến 22/6/2021. Khoản đầu tư này đang được tiến hành chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Nghĩa theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 0121/HĐCN-AMECC ngày 15/05/2021 (thời hạn thực hiện thanh toán 02 năm) và Nghị quyết HĐQT số 05/2021/NQ-HĐQT-AMECC ngày 27/07/2021 thông qua chuyển nhượng phần vốn góp với giá trị 199.092.919.509 đồng.
- (\*) Các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.  
Trong kỳ Công ty phát sinh giao dịch mua/bán với các bên liên quan (nếu có) được trình bày tại Thuyết minh VIII.  
Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán, do chưa có hướng dẫn cụ thể, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác giá trị ghi sổ.

3. Phải thu của khách hàng	31/12/2021	01/01/2021
<b>Ngắn hạn</b>		
<b>Phải thu của khách hàng</b>		
Powerchina Nuclear engineering company	-	18.785.543.416
Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN)	20.429.783.923	26.895.641.447
Meta Trade JSC (Công ty Cổ phần Quốc tế True-Bio)	4.032.558.796	37.032.558.796
Samsung Engineering Co., LTD	7.659.326.914	64.728.457.019
Công ty cổ phần tập đoàn Công nghệ T-Tech Việt Nam	34.615.353.884	-
Khách hàng khác	306.050.402.132	262.431.544.174
<b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>		
Công ty CP Thương mại Amecc Wei Sheng	-	1.279.634.044
Công ty CP Xây dựng kỹ thuật Công nghệ Xanh	10.100.370.821	14.273.964.829
Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng năng lượng GT	1.505.614.495	-
Công ty CP thép Châu Phong - Animex	6.102.468.295	11.743.165.373
	<b>390.495.879.260</b>	<b>437.170.509.098</b>
<b>4. Trả trước cho người bán</b>		
	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
<b>Ngắn hạn</b>		
<b>Trả trước cho người bán</b>		
Công ty CP XD & ĐT Phát triển Bạch Đằng 12 (*)	11.874.260.299	11.874.260.299
Công ty CP Công nghiệp & Phát triển Hoàng Mai	6.518.739.324	6.229.289.449
Công ty TNHH Công nghiệp Thương mại Thống Nhất	6.486.184.815	-
Người bán khác	56.841.567.383	31.333.336.546
<b>Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>		
Công ty CP Thép Châu phong - Animex	-	91.495.068
	<b>81.720.751.821</b>	<b>49.528.381.362</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC**Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn,  
huyện An Lão, thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính tổng hợp**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(\*) Nhà thầu phụ của Amecc tại dự án Hangar Nội Bài (Chủ đầu tư là Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay). Dự án Hangar Nội Bài đang dừng thi công từ năm 2019. Đến nay, Dự án đang được khởi động trở lại, dự kiến năm 2022 sẽ tiếp tục thi công.

5. Phải thu khác	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
Phải thu khác	8.087.905.605	-	5.541.735.526	-
Tạm ứng	19.422.303.540	-	23.726.544.555	-
Ký cược, ký quỹ	27.384.304.146	-	42.255.665.170	-
Phải thu kinh phí công đoàn	-	-	162.661.397	-
	<b>54.894.513.291</b>	<b>-</b>	<b>71.686.606.648</b>	<b>-</b>
<b>Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	4.722.419.260	-	3.030.199.680	-
	<b>4.722.419.260</b>	<b>-</b>	<b>3.030.199.680</b>	<b>-</b>
<b>6. Nợ xấu</b>				
		31/12/2021		01/01/2021
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu khách hàng	39.024.920.001	3.111.269.623	19.473.749.919	-
	<b>39.024.920.001</b>	<b>3.111.269.623</b>	<b>19.473.749.919</b>	<b>-</b>
<b>7. Hàng tồn kho</b>				
		31/12/2021		01/01/2021
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	367.397.169.009	-	466.975.006.978	-
Công cụ, dụng cụ	37.059.769.259	-	37.052.037.866	-
Chi phí SXKD dở dang	407.495.352.299	-	379.977.719.272	-
Hàng hóa	1.021.462.595	-	980.627.008	-
	<b>812.973.753.162</b>	<b>-</b>	<b>884.985.391.124</b>	<b>-</b>
<b>8. Chi phí trả trước</b>			31/12/2021	01/01/2021
<b>Ngắn hạn</b>				
Công cụ dụng cụ			407.109.449	281.771.225
Các khoản khác			601.484.821	-
			<b>1.008.594.270</b>	<b>281.771.225</b>
<b>Dài hạn</b>				
Công cụ dụng cụ			724.577.040	4.188.544.187
Chi phí trả trước khác			1.169.748.818	-
			<b>1.894.325.858</b>	<b>4.188.544.187</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC**

Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn,  
huyện An Lão, thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính tổng hợp**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện VT, truyền dẫn	Thiết bị, DC quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư 01/01/2021	126.440.890.604	169.276.896.886	26.635.341.858	1.427.116.967	449.478.022	324.229.724.337
Mua trong kỳ		4.006.437.121	4.840.327.853	121.329.600		8.968.094.574
ĐT XDCB hoàn thành		83.681.307.780			13.934.644.704	97.615.952.484
Tặng khác			2.000.000.000			2.000.000.000
Thanh lý, nhượng bán		(316.518.000)				(316.518.000)
<b>Số dư 31/12/2021</b>	<b>126.440.890.604</b>	<b>256.648.123.787</b>	<b>33.475.669.711</b>	<b>1.548.446.567</b>	<b>14.384.122.726</b>	<b>432.497.253.395</b>

**Giá trị hao mòn lũy kế**

Số dư 01/01/2021	46.951.601.563	86.527.379.226	18.961.098.506	1.157.999.999	121.283.767	153.719.363.061
Khấu hao trong kỳ	5.731.145.394	17.342.628.374	2.415.541.197	326.799.029	947.680.211	26.763.794.205
Thanh lý, nhượng bán		(2.309.464)				(2.309.464)
<b>Số dư 31/12/2021</b>	<b>52.682.746.957</b>	<b>103.867.698.136</b>	<b>21.376.639.703</b>	<b>1.484.799.028</b>	<b>1.068.963.978</b>	<b>180.480.847.802</b>

**Giá trị còn lại**

Tại ngày 01/01/2021	79.489.289.041	82.749.517.660	7.674.243.352	269.116.968	328.194.255	170.510.361.276
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>73.758.143.647</b>	<b>152.780.425.651</b>	<b>12.099.030.008</b>	<b>63.647.539</b>	<b>13.315.158.748</b>	<b>252.016.405.593</b>

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 120.496.936.685  
Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 61.784.252.864

Trong giá trị TSCĐ đầu tư XDCB hoàn thành có giá trị Cầu trục bánh xích 800T nhãn hiệu Zoomlion, nguyên giá 83.181.815.780 đồng. Tài sản này được ghi tăng từ ngày 30/09/2021 và đăng ký trích khấu hao với thời gian sử dụng tối đa 20 năm. Giá trị sản lượng mang lại tính đến 31/12/2021 là 27.016.045.454 đồng.

**10. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

Khoản mục	Máy móc, thiết bị
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư 01/01/2021	90.789.637.211
Thuê tài chính trong kỳ	44.213.001.318
<b>Số dư 31/12/2021</b>	<b>135.002.638.529</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư 01/01/2021	17.543.110.084
Khấu hao trong kỳ	10.629.368.386
<b>Số dư 31/12/2021</b>	<b>28.172.478.470</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 01/01/2021	73.246.527.127
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>106.830.160.059</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC**Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn,  
huyện An Lão, thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính tổng hợp**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Chi phí giải phóng		Cộng
	mặt bằng	Phần mềm	
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư 01/01/2021	44.042.972.877	3.284.103.520	47.327.076.397
<b>Số dư 31/12/2021</b>	<b>44.042.972.877</b>	<b>3.284.103.520</b>	<b>47.327.076.397</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư 01/01/2021	11.071.558.644	437.417.316	11.508.975.960
Khấu hao trong kỳ	960.652.584	191.295.180	1.151.947.764
<b>Số dư 31/12/2021</b>	<b>12.032.211.228</b>	<b>628.712.496</b>	<b>12.660.923.724</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2021	32.971.414.233	2.846.686.204	35.818.100.437
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>32.010.761.649</b>	<b>2.655.391.024</b>	<b>34.666.152.673</b>

**12. Tài sản dở dang dài hạn**

Xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2021	01/01/2021
Hệ thống điện NL mặt trời áp mái hòa lưới 998KWP tại Công ty	-	13.866.777.531
Dự án đầu tư xưởng gia công tại Bà Rịa Vũng Tàu	49.007.556.527	14.877.509.602
Đầu tư XD nhà xưởng khu 2	14.250.213.137	-
Dự án đầu tư nâng cấp Nhà máy 1	15.789.102.495	7.983.218.133
Xây dựng cơ bản dở dang khác	13.666.245.339	9.377.462.851
	<b>92.713.117.498</b>	<b>46.104.968.117</b>

**13. Phải trả người bán**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>				
<b>Phải trả người bán</b>				
Công ty TNHH Marubeni				
Itochu Steel Việt Nam	18.553.350.482	18.553.350.482	36.063.298.420	36.063.298.420
Công ty CP Xây lắp điện 1	60.132.656.568	60.132.656.568	108.132.656.568	108.132.656.568
Công ty CP Thép Miền Bắc	26.649.311.929	26.649.311.929	3.302.687.450	3.302.687.450
Công ty CP Chế tạo giàn				
khoan dầu khí	41.586.879.277	41.586.879.277	52.954.354.062	52.954.354.062
Khách hàng khác	209.477.426.075	209.477.426.075	200.463.323.412	200.463.323.412



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC**

Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn,  
huyện An Lão, thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính tổng hợp**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
Công ty CP Thương mại Amecc Wei Sheng	8.670.098.273	8.670.098.273	13.991.935.730	13.991.935.730
Công ty TNHH Amecc Myanmar	14.581.352.645	14.581.352.645	14.581.352.645	14.581.352.645
Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật AMECC miền Nam	14.541.821.453	14.541.821.453	12.151.842.929	12.151.842.929
Công ty CP Xây dựng kỹ thuật Công nghệ Xanh	1.986.854.705	1.986.854.705	3.373.001.907	3.373.001.907
Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng năng lượng GT	33.753.150.781	33.753.150.781	3.602.404.380	3.602.404.380
	<b>429.932.902.188</b>	<b>429.932.902.188</b>	<b>448.616.857.503</b>	<b>448.616.857.503</b>

14. Người mua trả tiền trước	31/12/2021	01/01/2021
<b>Ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay (*) BHI Co., Ltd	75.065.907.540	75.065.907.540
Công ty CP Chế tạo bơm Hải Dương Samsung Engineering Co., Ltd	-	25.882.313.376
Zilei International Engineering Consultant Co., Ltd	9.440.000.020	20.000.000.000
Khách hàng khác	39.950.346.505	-
	21.198.233.370	-
	48.927.101.808	41.093.019.623
	<b>194.581.589.243</b>	<b>162.041.240.539</b>

(\*) Khoản trả trước liên quan đến dự án Hangar Nội Bài (Thuyết minh V.4).

15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	31/12/2021	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	01/01/2021
Thuế GTGT phải nộp	-	8.568.134.963	8.568.134.963	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	295.513.609	295.513.609	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.118.346.660	10.411.351.595	12.021.687.015	23.728.682.080
Thuế thu nhập cá nhân	236.619.354	1.589.956.465	1.785.809.073	432.471.962
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	823.493.110	2.674.600.111	1.800.000.000	(51.107.001)
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	86.645.497	88.745.497	2.100.000
	<b>23.178.459.124</b>	<b>23.626.202.240</b>	<b>24.559.890.157</b>	<b>24.112.147.041</b>

Trong đó:	31/12/2021	01/01/2021
Phải nộp	23.178.459.124	24.163.254.042
Phải thu	-	51.107.001

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC**Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn,  
huyện An Lão, thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính tổng hợp**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. Chi phí phải trả	31/12/2021	01/01/2021
<b>Ngắn hạn</b>		
Các khoản trích trước chi phí thi công:		
EPC dự án điện mặt trời Phước Thái 1	-	5.415.571.855
Hàng hóa thương mại Formosa	-	6.385.408.168
Gia công CT DA cầu Cửa Lục 1	5.311.150.312	-
Công trình khác	12.040.108.632	6.511.971.058
	<b>17.351.258.944</b>	<b>18.312.951.081</b>
<b>17. Doanh thu chưa thực hiện</b>		
	31/12/2021	01/01/2021
<b>Ngắn hạn</b>		
Thi công lắp đặt KCT và các hệ thống khác - Dự án Dung Quất HP GĐ2	1.501.707.891	1.501.707.891
XD và cung cấp thiết bị - Dự án đầu tư Myanmar	1.545.573.369	1.545.573.369
	<b>3.047.281.260</b>	<b>3.047.281.260</b>
Các khoản doanh thu nhận trước (theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng) từ khách hàng Trung Quốc và Myanmar năm 2019, hợp đồng đang tạm dừng do dịch bệnh.		
<b>18. Phải trả khác</b>		
	31/12/2021	01/01/2021
<b>Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	75.801.223	-
Bảo hiểm xã hội	16.756.157.147	12.254.359.579
Bảo hiểm y tế	1.853.158.996	1.490.504.348
Bảo hiểm thất nghiệp	765.340.935	652.776.038
Cổ tức phải trả	2.250.852.576	2.257.830.076
Ngân hàng HDBank - CN Hải Phòng (UPAS L/C)	36.259.602.409	350.894.067.788
Ngân hàng TMCP công thương - CN Đông Hải Phòng (UPAS L/C)	3.912.401.797	-
Phải trả phải nộp khác	10.108.571.499	7.714.429.319
<b>Phải trả khác là các bên liên quan</b>		
Nguyễn Văn Nghĩa - Lãi vay	-	14.794.488.860
	<b>71.981.886.582</b>	<b>390.058.456.008</b>
<b>Dài hạn</b>		
<b>Các khoản phải trả khác</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	60.500.000
Phải trả Hongkong Topway Trading Co., Ltd (i)	71.334.598.400	-
<b>Phải trả khác là các bên liên quan</b>		
Ông Nguyễn Văn Nghĩa	136.803.412.954	-
Chuyển nhượng khoản đầu tư tại Myanmar (ii)	96.803.412.954	-
Vốn hợp tác kinh doanh (iii)	40.000.000.000	-
	<b>208.138.011.354</b>	<b>60.500.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC**Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn,  
huyện An Lão, thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính tổng hợp**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

- (i) Khoản phải trả liên quan đến L/C trả chậm do Ngân hàng HDBank - CN Hải Phòng tài trợ vào ngày đáo hạn bằng hợp đồng tín dụng trong vòng 48 tháng.
- (ii) Khoản tiền đối trừ tiền Công ty vay ông Nguyễn Văn Nghĩa thanh toán cho việc chuyển nhượng khoản đầu tư tại Myanmar theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 0121/HĐCN-AMECC ngày 15/05/2021 và Nghị quyết HĐQT số 05/2021/NQ-HĐQT-AMECC ngày 27/07/2021 thông qua chuyển nhượng phần vốn góp với giá trị 199.092.919.509 đồng.
- (iii) Khoản tiền chuyển cho Công ty với mục đích góp vốn hợp tác kinh doanh Tổ hợp Samsung.

**19. Vay và nợ thuê tài chính****19.1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2021	Tăng	Giảm	01/01/2021
<b>Vay ngân hàng</b>	<b>615.318.309.022</b>	<b>1.350.248.305.429</b>	<b>1.358.154.482.445</b>	<b>623.224.486.038</b>
NH TMCP An Bình - CN Hải Phòng	98.847.041.756	168.180.335.502	134.022.857.319	64.689.563.573
NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Đồ Sơn	171.397.870.878	438.698.210.625	366.922.759.609	99.622.419.862
NH TMCP Phát triển Thành phố HCM - CN Hải Phòng	247.251.677.237	516.815.010.687	535.500.882.766	265.937.549.316
NH TMCP Quân Đội - CN Nam Hải Phòng	46.237.951.866	128.233.614.374	160.827.648.097	78.831.985.589
NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở	9.627.955.653	31.329.295.413	56.618.943.940	34.917.604.180
NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Nam HP	41.955.811.632	66.991.838.828	100.213.617.259	75.177.590.063
NH TMCP Tiên Phong - CN Hải Phòng	-	-	4.047.773.455	4.047.773.455
<b>Vay tổ chức, cá nhân, bên liên quan</b>	<b>8.350.000.000</b>	<b>19.880.000.000</b>	<b>11.630.000.000</b>	<b>100.000.000</b>
Các đối tượng khác	8.350.000.000	19.880.000.000	11.630.000.000	100.000.000
<b>Vay nợ DH đến hạn trả</b>	<b>46.667.328.981</b>	<b>49.781.220.111</b>	<b>38.509.667.452</b>	<b>35.395.776.322</b>
Vay dài hạn đến hạn trả	29.693.295.201	30.286.594.363	24.764.186.636	24.170.887.474
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	16.974.033.780	19.494.625.748	13.745.480.816	11.224.888.848
	<b>670.335.638.003</b>	<b>1.419.909.525.540</b>	<b>1.408.294.149.897</b>	<b>658.720.262.360</b>

	31/12/2021	01/01/2021
<b>Số có khả năng trả nợ</b>	<b>670.335.638.003</b>	<b>658.720.262.360</b>

**19.2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	31/12/2021	Tăng	Giảm	01/01/2021
<b>Vay ngân hàng</b>	<b>29.641.742.013</b>	<b>10.771.278.924</b>	<b>24.764.186.636</b>	<b>43.634.649.725</b>
NH TMCP An Bình - CN Hải Phòng	2.444.666.664	2.823.200.000	1.050.929.136	672.395.800
NH TMCP Phát triển Tp HCM - CN Hải Phòng	10.210.668.085	-	16.800.000.000	27.010.668.085
NH TMCP Quân Đội - CN Nam Hải Phòng	7.610.318.340	-	5.034.727.500	12.645.045.840
NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở	1.933.260.000	-	1.373.280.000	3.306.540.000
NH TMCP Phương Đông OCB (Việt Nam)	7.442.828.924	7.948.078.924	505.250.000	-
<b>Vay bên liên quan</b>	<b>15.700.000.000</b>	<b>45.803.783.338</b>	<b>106.903.783.338</b>	<b>76.800.000.000</b>
Nguyễn Văn Nghĩa	-	20.103.783.338	96.903.783.338	76.800.000.000
Nguyễn Văn Thọ	7.000.000.000	17.000.000.000	10.000.000.000	-
Nguyễn Thị Hà	1.200.000.000	1.200.000.000	-	-
Nguyễn Hữu Phong	7.500.000.000	7.500.000.000	-	-
<b>Nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>59.254.336.331</b>	<b>37.542.915.751</b>	<b>13.745.480.816</b>	<b>35.456.901.396</b>
Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Chailease	18.286.126.541	1.067.189.663	10.688.030.968	27.906.967.846
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV NH TMCP Công thương Việt Nam	40.968.209.790	36.475.726.088	3.057.449.848	7.549.933.550
	<b>104.596.078.344</b>	<b>94.117.978.013</b>	<b>145.413.450.790</b>	<b>155.891.551.121</b>
Trong đó:				
Vay, nợ dài hạn đến hạn trả	46.667.328.981			35.395.776.322
<b>Vay và nợ thuê TC DH</b>	<b>57.928.749.363</b>			<b>120.495.774.799</b>

	31/12/2021	01/01/2021
<b>Số có khả năng trả nợ</b>	<b>57.928.749.363</b>	<b>120.495.774.799</b>

**Thông tin liên quan đến các khoản vay ngắn hạn tại 31/12/2021**

Khoản vay ngắn hạn của các Ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng hạn mức, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C. Tài sản thế chấp được quy định cụ thể tại các hợp đồng tín dụng hạn mức. Thời hạn vay và lãi suất được quy định cụ thể theo từng lần nhận nợ.

**Thông tin liên quan đến các khoản vay dài hạn tại 31/12/2021**

Khoản vay dài hạn của các Ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng hạn mức, mục đích vay để đầu tư tài sản dài hạn. Tài sản thế chấp được quy định cụ thể tại các hợp đồng tín dụng. Thời hạn vay và lãi suất được quy định cụ thể theo từng lần nhận nợ.

**Thông tin liên quan đến các khoản nợ thuê tài chính dài hạn tại 31/12/2021**

Mục đích thuê để nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh. Lãi suất và thời hạn vay theo từng hợp đồng cụ thể.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC**Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn,  
huyện An Lão, thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính tổng hợp**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**19.3. Các khoản nợ thuê tài chính**

	Từ 01 năm trở	Trên 01 năm đến 05	Trên 05 năm	Cộng
	xuống	năm		
<b>Năm 2020</b>				
Tổng khoản thanh toán tiền	14.162.120.295	27.274.927.753	-	<b>41.437.048.048</b>
Trả lãi tiền thuê	2.937.231.447	3.042.915.205	-	<b>5.980.146.652</b>
Trả nợ gốc	11.224.888.848	24.232.012.548	-	<b>35.456.901.396</b>
<b>Năm 2021</b>				
Tổng khoản thanh toán tiền	18.503.322.072	45.970.494.112	-	<b>64.473.816.184</b>
Trả lãi tiền thuê	1.529.288.292	3.690.191.561	-	<b>5.219.479.853</b>
Trả nợ gốc	16.974.033.780	42.280.302.551	-	<b>59.254.336.331</b>

**20. Dự phòng phải trả**

	31/12/2021	01/01/2021
<b>Ngắn hạn</b>		
Dự phòng quỹ tiền lương	15.000.000.000	-
	<b>15.000.000.000</b>	-

Công ty trích lập quỹ dự phòng để bổ sung vào quỹ tiền lương của năm sau liền kề. Mức dự phòng không quá 17% quỹ tiền lương thực chi trả năm 2021 (không có số chi trả tiền lương dự phòng do năm 2020 Công ty không thực hiện trích).

**21. Vốn chủ sở hữu****21.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LNST thuế chưa PP	Cộng
Số dư 01/01/2020	333.000.000.000	(2.948.000.000)	7.626.556.469	47.943.406.948	385.621.963.417
Tăng vốn trong kỳ	33.298.650.000				33.298.650.000
Lãi trong kỳ				43.695.799.086	43.695.799.086
Trích quỹ			2.975.196.767		2.975.196.767
Giảm khác		(77.000.000)			(77.000.000)
Phân phối lợi nhuận				(37.166.405.797)	(37.166.405.797)
<b>Số dư 31/12/2020</b>	<b>366.298.650.000</b>	<b>(3.025.000.000)</b>	<b>10.601.753.236</b>	<b>54.472.800.237</b>	<b>428.348.203.473</b>
Số dư 01/01/2021	366.298.650.000	(3.025.000.000)	10.601.753.236	54.472.800.237	428.348.203.473
Lãi trong kỳ				39.540.350.185	39.540.350.185
Trích quỹ			43.695.799.086		43.695.799.086
Phân phối lợi nhuận				(43.695.799.086)	(43.695.799.086)
<b>Số dư 31/12/2021</b>	<b>366.298.650.000</b>	<b>(3.025.000.000)</b>	<b>54.297.552.322</b>	<b>50.317.351.336</b>	<b>467.888.553.658</b>

Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 ngày 26/06/2021 như sau:

Trích quỹ đầu tư phát triển 43.695.799.086

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC**Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn,  
huyện An Lão, thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính tổng hợp**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

21.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	31/12/2021		01/01/2021	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị
Nguyễn Văn Thọ	13,98	51.224.790.000	12,57	46.039.690.000
Nguyễn Văn Nghĩa	12,31	45.100.000.000	12,31	45.100.000.000
Sankyu .Inc	30,03	110.000.000.000	30,03	110.000.000.000
Cổ đông khác	43,67	159.973.860.000	45,09	165.158.960.000
	<b>100,00</b>	<b>366.298.650.000</b>	<b>100,00</b>	<b>366.298.650.000</b>

21.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2021	Năm 2020
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu kỳ	366.298.650.000	333.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	33.298.650.000
Vốn góp cuối kỳ	366.298.650.000	366.298.650.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>		
Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	33.298.650.000

21.4. Cổ phiếu	31/12/2021	01/01/2021
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>36.629.865</b>	<b>36.629.865</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>		
Cổ phiếu phổ thông	36.629.865	36.629.865
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	36.629.865	36.629.865
<b>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>10.000</b>	<b>10.000</b>

21.5. Các quỹ của doanh nghiệp	31/12/2021	01/01/2021
Quỹ đầu tư phát triển	54.297.552.322	10.601.753.236

**22. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**

Ngoại tệ các loại	31/12/2021	01/01/2021
Tiền USD	1.450.293,93	418.193,33
Tiền EUR	148,56	114,72
Tiền Kyats	135.085,00	132.085,00

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đơn vị tính: VND	
	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu bán vật tư, hàng hóa	1.133.931.886.996	1.077.496.744.690
Doanh thu chế tạo lắp đặt, khác	1.200.704.421.953	1.386.976.936.701
	<b>2.334.636.308.949</b>	<b>2.464.473.681.391</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC**Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn,  
huyện An Lão, thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính tổng hợp**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

<b>Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan</b>			
Công ty CP Thương mại Amecc Wei Sheng		14.054.615.000	135.155.317.287
Công ty CP Xây dựng kỹ thuật Công nghệ Xanh		102.470.182.937	95.776.570.421
Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng năng lượng GT		92.398.112.481	-
Công ty CP thép Châu Phong - Animex		-	150.142.687.875
		<b>208.922.910.418</b>	<b>230.931.887.708</b>
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>		<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
Giá vốn bán vật tư, hàng hóa		1.073.020.106.957	1.039.624.589.965
Giá vốn chế tạo lắp đặt, khác		1.078.206.963.831	1.255.431.691.922
		<b>2.151.227.070.788</b>	<b>2.295.056.281.887</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay		4.686.540.918	5.200.790.579
Lãi bán các khoản đầu tư		741.291	-
Lãi chênh lệch tỷ giá		4.926.300.487	1.388.900.334
		<b>9.613.582.696</b>	<b>6.589.690.913</b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>		<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
Lãi tiền vay		45.085.871.676	76.719.770.927
Lỗ chênh lệch tỷ giá		5.697.245.743	1.710.201.533
		<b>50.783.117.419</b>	<b>78.429.972.460</b>
<b>5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
<b>Các khoản chi phí bán hàng</b>			
Chi phí dịch vụ mua ngoài		14.995.804.716	-
		<b>14.995.804.716</b>	<b>-</b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>			
Chi phí nhân viên quản lý		24.501.489.219	20.974.471.000
Chi phí quản lý khác		46.184.556.049	19.701.063.188
		<b>70.686.045.268</b>	<b>40.675.534.188</b>

Chi phí phát sinh năm 2021 là chi phí làm hàng tại khâu xuất khẩu, chi phí vận chuyển hàng ra cảng, chi phí vận chuyển quốc tế tới cảng của khách hàng, chi phí bảo hiểm hàng xuất khẩu, ... Các khoản chi phí tương tự của năm 2020 được ghi nhận vào chi phí sản xuất chung.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC**Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn,  
huyện An Lão, thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính tổng hợp**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

<b>6. Thu nhập khác</b>	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	2.309.464	-
Bán phế liệu	2.324.707.332	-
Các khoản khác	359.421.639	2.891.240.431
	<b>2.686.438.435</b>	<b>2.891.240.431</b>
<b>7. Chi phí khác</b>	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
Phạt thuế, phạt vi phạm hành chính, chi phí không hợp lệ	1.156.537.793	1.317.608.562
Chi phí phế liệu	2.144.213.859	-
Tài sản thiếu kiểm kê	1.649.701.607	-
Thuế GTGT không được hoàn	-	1.725.803.720
Công nợ nhỏ lẻ và chi phí khác	4.291.865.328	1.031.925.817
	<b>9.242.318.587</b>	<b>4.075.338.099</b>
<b>8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	504.300.959.139	378.098.096.151
Chi phí nhân công	490.937.433.028	138.508.185.567
Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.974.335.426	34.244.090.547
Chi phí dịch vụ mua ngoài	112.502.427.986	648.500.383.384
Chi phí khác bằng tiền	44.691.291.263	9.252.231.494
	<b>1.191.406.446.842</b>	<b>1.208.602.987.143</b>
<b>9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
<b>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</b>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	50.001.973.302	55.717.486.101
Các khoản điều chỉnh tăng	2.054.784.675	27.110.532.924
<i>Phạt vi phạm hành chính, thuế</i>	<i>1.156.537.793</i>	-
<i>Khấu hao vượt mức quy định</i>	<i>819.604.494</i>	-
<i>Thù lao HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành</i>	<i>330.000.000</i>	-
<i>Chi phí lãi vay vượt 30% (Nghị định 132/2020/NĐ-CP)</i>	<i>(251.357.612)</i>	22.719.583.949
<i>Khác</i>		4.390.948.975
Các khoản điều chỉnh giảm ( )	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	52.056.757.977	82.828.019.025
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	10.411.351.595	16.565.603.805
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>10.411.351.595</b>	<b>16.565.603.805</b>



**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Đơn vị tính: VND

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BCLCTT trong tương lai	Đơn vị tính: VND	
	Năm 2021	Năm 2020
Mua tài sản cố định thuê tài chính	37.542.915.751	48.353.835.130
<b>2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng</b>		
<p>Các khoản tiền và tương đương tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng tại 31/12/2021 là khoản tiền phong tỏa tại Ngân hàng HDBank số tiền 31.511.100.000 đồng, Ngân hàng VietinBank số tiền 3.579.013.520 đồng nhằm đảm bảo cho các khoản thư tín dụng trả chậm có giá trị thanh toán trả ngay (UPAS L/C).</p>		
3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	Đơn vị tính: VND	
	Năm 2021	Năm 2020
Tiền thu từ đi vay từ khế ước thông thường:	1.440.764.344.313	1.510.599.958.148
4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ	Đơn vị tính: VND	
	Năm 2021	Năm 2020
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường:	1.400.579.079.869	1.421.170.794.220

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

Đơn vị tính: VND

**1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ/2017/ĐHCD-AMECC ngày 02/4/2017, Hội đồng cổ đông đã thông qua kế hoạch và phương án đầu tư ra nước ngoài tại Myanmar bằng hình thức góp vốn đầu tư vào Công ty liên doanh Amecc - Myanmar Shipyards với tổng mức đầu tư là 42,073 triệu USD, sau đó tạm được điều chỉnh là 26,31 triệu USD theo văn bản số 50BS/PABS-AMECC ngày 25/3/2019 của Tổng giám đốc gửi Hội đồng quản trị. Hiện tại, kế hoạch đầu tư trên vẫn đang trong quá trình thực hiện. Công ty đang làm các thủ tục để cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài.

Bên cạnh đó, trong kỳ Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư cho ông Nguyễn Văn Nghĩa theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 0121/HDCN-AMECC ngày 15/05/2021 và Nghị quyết HĐQT số 05/2021/NQ-HĐQT-AMECC ngày 27/07/2021 thông qua chuyển nhượng phần vốn góp với giá trị 199.092.919.509 đồng. Việc chuyển nhượng đang được tiến hành.

**2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**3. Thông tin về các bên liên quan**

**3.1. Danh sách các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Thương mại Amecc Wei sheng	Công ty liên kết
Công ty TNHH Amecc Myanmar	Công ty con
Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Amecc Miền Nam	Công ty liên quan
Công ty CP Xây dựng kỹ thuật Công nghệ Xanh	Cùng thành viên góp vốn
Công ty CP thép Châu Phong - Animex	Cùng thành viên ban lãnh đạo chủ chốt
Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng năng lượng GT	Cùng thành viên góp vốn
Ông Nguyễn Văn Nghĩa	Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Ngọc Dương	Thành viên HĐQT

**3.2. Trong kỳ Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau**

<u>Bên liên quan/ Nội dung</u>	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
<b>Công ty CP Thương mại Amecc Wei sheng</b>		
Bán hàng	14.054.615.000	135.155.317.287
Mua hàng	57.171.515.315	151.797.170.613
<b>Công ty TNHH Amecc Myanmar</b>		
Mua hàng	-	793.818.320
<b>Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Amecc Miền Nam</b>		
Mua hàng	19.038.263.170	48.851.167.305
<b>Công ty CP Xây dựng kỹ thuật Công nghệ Xanh</b>		
Bán hàng	102.470.182.937	95.776.570.421
Mua hàng	141.648.541.016	32.634.057.995
<b>Công ty CP thép Châu Phong - Animex</b>		
Bán hàng	-	150.142.687.875
Mua hàng	-	123.625.178.509
<b>Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng năng lượng GT</b>		
Bán hàng	92.398.112.481	-
Mua hàng	200.197.840.408	-
<b>Ông Nguyễn Văn Nghĩa</b>		
Phải trả lãi vay	5.309.294.478	13.971.266.671
Nhận góp vốn hợp tác kinh doanh	40.000.000.000	-
Phải trả khác	96.803.412.954	-
<b>Ông Trần Ngọc Dương</b>		
Phải trả lãi vay	-	609.999.999

**3.3. Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán**

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày tại Thuyết minh V.

3.4. Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	Năm 2021	Năm 2020
<b>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, HĐQT, Ban kiểm soát, thư ký</b>	<b>2.738.884.686</b>	<b>2.515.732.635</b>
<b>Hội đồng quản trị</b>	<b>421.323.000</b>	<b>440.600.000</b>
Nguyễn Văn Nghĩa	120.000.000	91.800.000
Nguyễn Văn Thọ	91.323.000	122.000.000
Nguyễn Sơn	42.000.000	75.600.000
Trần Ngọc Dương	84.000.000	75.600.000
Đình Ngọc Thắng	84.000.000	75.600.000
Lê Minh Tuấn	42.000.000	-
<b>Ban Tổng giám đốc</b>	<b>1.905.784.393</b>	<b>1.717.841.677</b>
Nguyễn Văn Thọ	743.362.678	625.912.305
Yukio Miyota	-	148.235.100
Nguyễn Văn Dũng	590.428.926	473.097.136
Lê Minh Tuấn	407.860.769	-
Đỗ Tiến Thành	164.132.020	470.597.136
<b>Ban kiểm soát</b>	<b>369.777.293</b>	<b>357.290.958</b>
Nguyễn Hữu Phong	369.777.293	357.290.958

**4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận**

**Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính là Dịch vụ chế tạo, lắp đặt, khác; Dịch vụ thương mại.

	Năm 2021		
	Hoạt động chế tạo lắp đặt, khác	Hoạt động thương mại	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.200.704.421.953	1.133.931.886.996	2.334.636.308.949
Khấu hao và chi phí phân bổ	1.171.616.694.465	1.106.461.761.030	2.278.078.455.495
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>29.087.727.488</b>	<b>27.470.125.966</b>	<b>56.557.853.454</b>

	31/12/2021		
	Hoạt động chế tạo lắp đặt, khác	Hoạt động thương mại	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
Tài sản bộ phận	1.354.191.801.275	315.788.951.421	1.669.980.752.696
Tài sản không phân bổ			496.300.479.727
Đầu tư vào công ty con	11.625.270.000	-	11.625.270.000
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.365.817.071.275</b>	<b>315.788.951.421</b>	<b>2.177.906.502.423</b>
Nợ phải trả của các bộ phận	635.473.031.615	9.440.000.020	644.913.031.635
Nợ phải trả không phân bổ			1.065.104.917.130
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>635.473.031.615</b>	<b>9.440.000.020</b>	<b>1.710.017.948.765</b>

	Năm 2020		
	Hoạt động chế tạo lắp đặt, khác	Hoạt động thương mại	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.386.976.936.701	1.077.496.744.690	2.464.473.681.391
Khấu hao và chi phí phân bổ	1.354.953.391.493	1.052.618.706.129	2.407.572.097.622

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC**Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn,  
huyện An Lão, thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính tổng hợp**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh****32.023.545.208      24.878.038.561      56.901.583.769****31/12/2020**

Tài sản bộ phận

1.334.768.699.973      282.076.375.020      **1.616.845.074.993**

Tài sản không phân bổ

**606.159.826.485**

Đầu tư vào công ty con

16.725.270.000      21.349.480.000      **38.074.750.000****Tổng tài sản****1.351.493.969.973      303.425.855.020      2.261.079.651.478**

Nợ phải trả của các bộ phận

596.985.755.449      51.025.709.908      **648.011.465.357**

Nợ phải trả không phân bổ

**1.184.719.982.648****Tổng nợ phải trả****596.985.755.449      51.025.709.908      1.832.731.448.005****5. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại và điều chỉnh lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

**Người lập biểu****Vũ Thị Phương Hào****Trưởng phòng TCKT****Nguyễn Thị Thùy Linh**

Hải Phòng, ngày 24 tháng 03 năm 2022

**Tổng Giám đốc****Nguyễn Văn Thọ**